

Bản án số: 02/2024/HS-PT

Ngày: 22-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Phương

Bà Vũ Thị Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Thiều Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2024/TLPT-HS ngày 21 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Lò Thị N do có kháng cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 237/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Bị cáo kháng cáo: Lò Thị N; sinh năm: 1980, tại tỉnh Điện Biên; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm nương; Dân tộc: Khơ mú; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Lường Văn C (Đã chết); Con bà: Lò Thị H (Đã chết); Chồng: Mòng Văn S - Sinh năm 1983; Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/5/2024, bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Nguyên đơn dân sự: UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lường Văn Biên - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lường Văn B: Ông Lò Văn T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. (Văn bản ủy quyền số 155 ngày 15/12/2023, vắng mặt có lý do).

- Người phiên dịch cho bị cáo: Bà Lò Thị U, sinh năm 1964; địa chỉ: Bản L, phường N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích để có đất sản xuất vào khoảng đầu tháng 01/2023, Lò Thị N một mình đi bộ lên khoảnh 1A, tiểu khu 816 thuộc Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên với mục đích chặt phá cây rừng, đốt để làm nương. Lò Thị N dùng con dao phát chặt cây theo chiều từ dưới chân đồi lên trên trong khoảng thời gian 10 ngày liên tiếp, sau khi chặt cây xong, bị cáo để cây khô, héo với mục đích sẽ đốt để làm nương, nhưng chưa kịp đốt thì bị Hạt kiểm lâm huyện Đ phát hiện.

Tại bản Kết luận giám định số 55/KL-GĐ ngày 15/8/2023 và Kết luận giám định 76/KL-GĐ ngày 19/12/2023 của Giám định viên tư pháp Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên kết luận: Khu rừng bị chặt phá tại khoảnh 1A, tiểu khu 816 thuộc địa phận khu vực rừng Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là rừng tự nhiên; loại rừng phòng hộ. Diện tích rừng bị chặt phá 10.700 m² chưa giao, chưa cho thuê, hiện UBND xã M đang quản lý theo khoản 3 Điều 102 Luật lâm nghiệp.

Tại Biên bản phiên họp định giá tài sản ngày 02/10/2023 và Bản kết luận định giá tài sản số: 47/KL-ĐGTS ngày 02/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: Tổng diện tích 10.700 m² (1,07 ha) giá trị là 18.542.797 đồng; giá trị thiệt hại về môi trường diện tích 10.700 m² trạng thái rừng tự nhiên gỗ núi đất lá rộng thường xanh nghèo kiệt (ký hiệu TXK) Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ không có căn cứ và cơ sở nào để xác định.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 237/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, đã quyết định:

1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 243; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lò Thị N phạm tội “Hủy hoại rừng”.

Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lò Thị N **07 (Bảy)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lò Thị N phải bồi thường cho Nhà nước (sung Ngân sách nhà nước) số tiền: 18.542.797 đồng.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS.

Tịch thu tiêu hủy: Đối với 01 con dao quắm, lưỡi dao và chuôi dao được làm bằng kim loại, cán dao được làm bằng gỗ, tổng chiều dài của lưỡi dao, chuôi dao và cán gỗ bằng 60cm, lưỡi dao dài 25 cm, cán gỗ 24 cm, chuôi dao 11cm, bản rộng lưỡi 4,5cm. Mỏ quắm 7cm, đường kính cán gỗ 3cm, dao đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/7/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, Điều 147/BLTTDS, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong khoản tiền bồi thường cho Nhà nước, nếu bị cáo không tự nguyện thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự - người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên phần án phí và quyền kháng cáo của bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 04/10/2024, bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ mức hình phạt tù. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về thủ tục kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự được coi là hợp lệ.

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Lò Thị N về tội: "Huỷ hoại rừng" theo điểm c khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tài liệu đã thực hiện việc bồi thường, bị cáo có con dưới 18 tuổi là đối tượng trẻ em khuyết tật tâm thần, mức độ nặng hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội nên được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khoản 3 Điều 243 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo sửa bản án sơ

thẩm phần hình phạt đối với bị cáo áp dụng mức hình phạt từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù đối với bị cáo.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt ngoài ra bị cáo không có ý kiến gì khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo:

Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự được coi là hợp lệ có căn cứ để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi chặt, phá rừng của mình phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, do vậy có đủ căn cứ để xác định vào tháng 01/2023 bị cáo Lò Thị N đã có hành vi dùng con dao phát chặt phá cây rừng để có đất làm nương. Diện tích rừng bị cáo chặt phá là 10.700 m² thuộc khoảnh 1A, tiểu khu 816 thuộc địa phận khu vực rừng Bản N, xã M, huyện Đ, tỉnh Điện Biên là rừng tự nhiên; loại rừng phòng hộ chưa giao, chưa cho thuê, hiện UBND xã M đang quản lý theo khoản 3 Điều 102 Luật lâm nghiệp. Với diện tích và loại rừng bị cáo chặt phá, bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội: "Huỷ hoại rừng" theo điểm c khoản 3 Điều 243 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, không oan sai.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 07 năm tù là phù hợp với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp thêm tài liệu đã thực hiện việc bồi thường xong số tiền 18.542.797 đồng, bị cáo có con dưới 18 tuổi là đối tượng trẻ em khuyết tật tâm thần, mức độ nặng hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội nên được áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên có đủ điều kiện áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 243 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là có căn cứ, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm phần hình phạt theo hướng giảm mức hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ

Hội đồng xét xử chấp nhận giảm mức hình phạt tù cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về chăm sóc cho gia đình. Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền thiệt hại cho Nhà nước nên phần trách nhiệm dân sự bị cáo đã thực hiện xong.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tòa án cấp phúc thẩm sửa phần quyết định về hình phạt nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lò Thị N sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 237/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cụ thể như sau:

1.1. Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự: Tuyên bố bị cáo Lò Thị N phạm tội "Huỷ hoại rừng".

1.2. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lò Thị N: 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

1.3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong số tiền 18.542.797 đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

1.4. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

2. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 237/2024/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (22/11/2024).

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I, Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng HC Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên
- TAND + Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an + VKSND huyện Đ;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Người CQL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Thu Hương

